

Số: 3387 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2024

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2024 đối với 125 viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và công chức, viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan



**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 3387 /QĐ-HVN ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Thời điểm được tính hưởng	Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu		Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên																					
1	Đỗ Thị Hồng	Nhung		1996	Đại học	01.003	1	2.34			01/03/2021	01.003	2	2.67			01/03/2024	4	0.330	2,376,000	
2	Ngô Thị Bích	Hằng		1990	Thạc sĩ	01.003	2	2.67			01/01/2021	01.003	3	3.00			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
3	Phạm Hồng	Thanh	1981		Đại học	01.003	2	2.67			01/03/2021	01.003	3	3.00			01/03/2024	4	0.330	2,376,000	
4	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		1993	Thạc sĩ	01.003	2	2.67			07/05/2021	01.003	3	3.00			07/05/2024	2	0.330	1,188,000	
5	Hoàng Thị	Hậu		1983	Thạc sĩ	01.003	2	2.67			01/02/2021	01.003	3	3.00			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
6	Nguyễn Thị Bích	Thuận		1984	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2021	01.003	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
7	Mai Thị Mỹ	Hạnh		1983	Đại học	01.003	3	3.00			01/01/2021	01.003	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
8	Lê Thị Thanh	Phương		1979	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2021	01.003	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
9	Trần Thị Vân	Anh		1984	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/01/2021	01.003	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
10	Nguyễn Thị	Tuyết		1985	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/05/2021	01.003	5	3.66			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
11	Trần Thanh	Hà		1988	Đại học	01.003	4	3.33			01/01/2021	01.003	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
12	Nguyễn Đức	Hùng	1980		Tiến sĩ	01.003	5	3.66			01/04/2021	01.003	6	3.99			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	
13	Vũ Thị Xuân	Bình		1980	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/08/2020	01.003	6	3.99			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	Kéo dài 06 tháng

STT	Họ đệm Tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
				Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
14	Đặng Thị Thanh	Bình	1982	Đại học	01.003	6	3.99		01/06/2021	01.003	7	4.32			01/06/2024	1	0.330	594,000	
15	Bùi Thị Thúy	Hải	1970	Thạc sĩ	01.003	7	4.32		01/06/2021	01.003	8	4.65			01/06/2024	1	0.330	594,000	
16	Nguyễn Đức	Thiện	1984		01.007	6	2.55		01/01/2022	01.007	7	2.73			01/01/2024	6	0.180	1,944,000	
17	Nguyễn Hồng	Dân	1976	Trung cấp	01.007	6	2.55		01/02/2022	01.007	7	2.73			01/02/2024	5	0.180	1,620,000	
18	Trần Thị Thu	Hường	1974		01.009	3	1.36		01/05/2022	01.009	4	1.54			01/05/2024	2	0.180	648,000	
19	Nguyễn Thị	Trang	1994	Đại học	01.009	3	1.36		07/06/2022	01.009	4	1.54			07/06/2024	1	0.180	324,000	
20	Bùi Thị	Đức	1995	Đại học	01.009	4	1.54		01/03/2022	01.009	5	1.72			01/03/2024	4	0.180	1,296,000	
21	Đào Thị	Tiện	1987	Đại học	01.009	4	1.54		01/02/2022	01.009	5	1.72			01/02/2024	5	0.180	1,620,000	
22	Vũ Thị	Trang	1990	Đại học	01.009	4	1.54		01/02/2022	01.009	5	1.72			01/02/2024	5	0.180	1,620,000	
23	Nguyễn Thị	Thơ	1973		01.009	7	2.08		01/02/2022	01.009	8	2.26			01/02/2024	5	0.180	1,620,000	
24	Đặng Thị	Nhung	1990	Trung cấp	01.009	7	2.08		01/01/2022	01.009	8	2.26			01/01/2024	6	0.180	1,944,000	
25	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	1979		01.009	7	2.08		01/01/2022	01.009	8	2.26			01/01/2024	6	0.180	1,944,000	
26	Vũ Thị	Hoa	1972		01.009	8	2.26		01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2024	1	0.180	324,000	
27	Đỗ Thị	Xuân	1974		01.009	8	2.26		01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2024	1	0.180	324,000	
28	Nguyễn Thị	Hoa	1973		01.009	8	2.26		01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2024	1	0.180	324,000	
29	Nguyễn Thị	Thanh	1969		01.009	8	2.26		01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2024	1	0.180	324,000	
30	Lê Thị	Bình	1981		01.009	8	2.26		01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2024	1	0.180	324,000	
31	Lê Tiến	Nam	1975		01.011	6	2.40		01/02/2022	01.011	7	2.58			01/02/2024	5	0.180	1,620,000	
32	Phạm Thị	Thúy	1978	Thạc sĩ	06.031	8	4.65		01/05/2021	06.031	9	4.98			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
33	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	1992	Đại học	17.170	2	2.67		07/05/2021	17.170	3	3.00			07/05/2024	2	0.330	1,188,000	

STT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
				Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
34	Nguyễn Thị Thu Hằng	1992	Đại học	V.05.01.03	2	2.67			01/03/2021	V.05.01.03	3	3.00			01/03/2024	4	0.330	2,376,000	
35	Đào Lê Anh	1984	Thạc sĩ	V.05.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.05.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
36	Trần Thị Trinh	1996	Thạc sĩ	V.05.02.07	1	2.34			01/06/2021	V.05.02.07	2	2.67			01/06/2024	1	0.330	594,000	
37	Mai Văn Tùng	1991	Thạc sĩ	V.05.02.07	2	2.67			01/01/2021	V.05.02.07	3	3.00			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
38	Nguyễn Thọ Hoàng	1984	Thạc sĩ	V.05.02.07	3	3.00			01/01/2021	V.05.02.07	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
39	Phạm Thị Dịu	1985	Thạc sĩ	V.05.02.07	3	3.00			01/01/2021	V.05.02.07	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
40	Nguyễn Thị Khánh	1970	Đại học	V.05.02.07	4	3.33			01/02/2021	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
41	Nguyễn Thị Liên Minh	1981	Đại học	V.05.02.07	4	3.33			01/02/2021	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
42	Nguyễn Trường Thành	1983	Thạc sĩ	V.05.02.07	4	3.33			01/02/2021	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
43	Nguyễn Xuân Xanh	1980	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/06/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/06/2024	1	0.330	594,000	
44	Nguyễn Thị Phương	1979	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/04/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	
45	Trần Thị ánh	1984	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/05/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
46	Trần Thị Hanh	1967	Đại học	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
47	Phạm Thị Thu Hằng	1984	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
48	Nguyễn Thị Bích Lưu	1983	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/02/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
49	Đào Xuân Ánh	1977	Đại học	V.05.02.07	5	3.66			01/03/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/03/2024	4	0.330	2,376,000	
50	Phạm Thu Giang	1976	Đại học	V.05.02.07	6	3.99			01/05/2021	V.05.02.07	7	4.32			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
51	Hoàng Thị Hiền	1969	Đại học	V.05.02.07	7	4.32			01/01/2021	V.05.02.07	8	4.65			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
52	Trần Thị Kim Anh	1980	Cao đẳng	V.05.02.08	2	2.06			01/01/2022	V.05.02.08	3	2.26			01/01/2024	6	0.200	2,160,000	
53	Nguyễn Đức Hường	1986	Đại học	V.05.02.08	4	2.46			01/01/2022	V.05.02.08	5	2.66			01/01/2024	6	0.200	2,160,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
54	Vũ Hải	Anh	1988		Trung cấp	V.05.02.08	6	2.86			01/01/2022	V.05.02.08	7	3.06			01/01/2024	6	0.200	2,160,000	
55	Nguyễn Hữu	Bằng	1981		Đại học	V.05.02.08	6	2.86			01/04/2022	V.05.02.08	7	3.06			01/04/2024	3	0.200	1,080,000	
56	Kiều Văn	Viên	1981		Đại học	V.05.02.08	7	3.06			01/04/2022	V.05.02.08	8	3.26			01/04/2024	3	0.200	1,080,000	
57	Lưu Quang	Hung	1984		Cao đẳng	V.05.02.08	7	3.06			01/01/2022	V.05.02.08	8	3.26			01/01/2024	6	0.200	2,160,000	
58	Trần Danh	Mạnh	1983		Trung cấp	V.05.02.08	8	3.26			01/04/2022	V.05.02.08	9	3.46			01/04/2024	3	0.200	1,080,000	
59	Ngô Thị	Dung		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/06/2021	V.07.01.02	2	4.74			01/06/2024	1	0.340	612,000	
60	Nguyễn Chung	Thông	1983		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/06/2024	1	0.340	612,000	Kéo dài 06 tháng
61	Nguyễn Thị Thu	Nga		1984	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/06/2024	1	0.340	612,000	Kéo dài 06 tháng
62	Nguyễn Thị Thu	Hiền		1980	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
63	Nguyễn Thị	Hiền		1977	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/05/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/05/2024	2	0.340	1,224,000	
64	Nguyễn Huyền	Thương		1975	Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
65	Lại Thị Ngọc	Hà		1976	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
66	Trần Thị Thu	Huyền		1977	Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
67	Nguyễn Thị Lâm	Hải		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
68	Cao Hùng	Dũng	1972		Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/05/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/05/2024	2	0.340	1,224,000	
69	Nguyễn Tất	Thắng	1969		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/03/2021	V.07.01.02	4	5.42			01/03/2024	4	0.340	2,448,000	
70	Lê Thị Minh	Châu		1974	Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2021	V.07.01.02	4	5.42			01/04/2024	3	0.340	1,836,000	
71	Lê Vũ	Quân	1973		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/05/2021	V.07.01.02	4	5.42			01/05/2024	2	0.340	1,224,000	
72	Nguyễn Thị Hoàng	Lan		1972	Tiến sĩ	V.07.01.02	5	5.76			01/03/2021	V.07.01.02	6	6.10			01/03/2024	4	0.340	2,448,000	
73	Nguyễn Xuân	Cừ	1974		Thạc sĩ	V.07.01.02	5	5.76			01/03/2021	V.07.01.02	6	6.10			01/03/2024	4	0.340	2,448,000	

STT	HỌC VIỆN ĐỒNG NGHIỆP VIỆT NAM		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
74	Nguyễn Thị	Phương		1992	Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/06/2021	V.07.01.03	3	3.00			01/06/2024	1	0.330	594,000	
75	Trần Thị Minh	Hòa		1995	Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/04/2021	V.07.01.03	3	3.00			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	
76	Đỗ Thành	Trung	1990		Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/01/2021	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
77	Thân Thế	Anh	1990		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
78	Chu Thị	Thanh		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
79	Lê Thị Mai	Linh		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/04/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	
80	Phan Xuân	Tân	1991		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
81	Trần Hương	Giang		1991	Tiến sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
82	Phạm Thị Thu	Hà		1991	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
83	Nguyễn Thị	Hoài		1991	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
84	Bùi Văn	Dũng	1987		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
85	Hoàng	Minh	1989		Tiến sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/02/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
86	Cao Thị Bích	Phượng		1991	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
87	Nguyễn Thị	Dung		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
88	Trần Thiện	Long	1987		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
89	Đỗ Thị	Loan		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
90	Nguyễn Hữu	Hương	1985		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
91	Nguyễn Ngọc	Cường	1974		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
92	Nguyễn Thị Huyền	Trang		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
93	Trần Thị Thanh	Tâm		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	



STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2024						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
94	Vũ Thị	Hương		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
95	Nguyễn Thị Lan	Anh		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
96	Trần Thanh	Phương		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
97	Nguyễn Thị	Hoa		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
98	Lê Thị	Hạnh		1987	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
99	Thân Ngọc	Thành	1987		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/05/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
100	Nguyễn Thị	Huyền		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/05/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/05/2024	2	0.330	1,188,000	
101	Đặng Thị Hải	Yến		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
102	Đỗ Thị Tuyết	Mai		1988	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
103	Nguyễn Thị Thùy	Linh		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
104	Nguyễn Thị Phương	Dung		1983	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/06/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/06/2024	1	0.330	594,000	
105	Hoàng Sĩ	Thính	1982		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
106	Vũ Thị Thu	Trà		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/06/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/06/2024	1	0.330	594,000	
107	Nguyễn Thùy	Hằng		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
108	Lê Phương	Thảo		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/03/2024	4	0.330	2,376,000	
109	Lý Thị Thu	Hà		1980	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	Kéo dài 06 tháng
110	Nguyễn Thị Huyền	Thanh		1981	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/04/2021	V.07.01.03	7	4.32			01/04/2024	3	0.330	1,782,000	
111	Lê Thị Thanh	Hào		1982	Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/02/2021	V.07.01.03	7	4.32			01/02/2024	5	0.330	2,970,000	
112	Vũ Thị Thu	Hà		1979	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/01/2021	V.07.01.03	8	4.65			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	
113	Ngọc Minh	Châu		1979	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/01/2021	V.07.01.03	8	4.65			01/01/2024	6	0.330	3,564,000	

Trong danh sách này có: 125 người

- Nâng bậc lương thường xuyên: 115 người

- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: 10 người